

CHỨC NĂNG CỦA GIỚI TỪ TIẾNG VIỆT (XÉT TRÊN BÌNH DIỆN NGỮ PHÁP VÀ NGỮ NGHĨA)

Nguyễn Hoàng Phương*

TÓM TẮT

Là một từ loại quan trọng và được thống nhất về quan điểm trong ngôn ngữ học đại cương, thế nhưng trong tiếng Việt, giới từ không có được vị trí đó. Cụ thể, giới từ thường không được phân biệt rạch ròi với liên từ mà hai từ loại này có xu hướng được gộp chung vào một đơn vị gọi là quan hệ từ. Bài viết này vì vậy, có mục đích chỉ ra những điểm khác biệt giữa giới từ và liên từ, nhấn mạnh chức năng của giới từ trên cả hai bình diện ngữ pháp và ngữ nghĩa, trong đó đặc biệt khảo sát sự thể hiện đa dạng và linh hoạt của giới từ với tư cách là phương tiện đánh dấu các vai nghĩa trong nội dung sự tình mà câu biểu hiện.

ABSTRACT

Functions of Vietnamese prepositions (on grammatical and semantic aspects)

In general linguistics, there is a mutual agreement that prepositions are an important word class, but it is not true in Vietnamese. Concretely, prepositions are often not distinguished definitely from conjunctions and these two word classes tend to be combined into one unit called relational. This article is about pointing out differences between prepositions and conjunctions, emphasizing the functions of prepositions in both aspects of grammar and semantics; particularly, surveying the diverse and flexible forms of prepositions as a means to mark the roles of meaning of contents that sentences express.

1. Dẫn nhập

Giới từ (preposition) là một vấn đề quan trọng trong ngôn ngữ học đại cương cũng như trong Việt ngữ học. Thế nhưng, nếu như trong ngôn ngữ học đại cương, vai trò và vị trí của giới từ đã được thống nhất từ lâu thì trong giới nghiên cứu tiếng Việt, tư cách và chức năng của nó vẫn đang còn là một vấn đề chưa đạt được sự đồng thuận. Sở dĩ có quan điểm cho rằng giới từ và liên từ (conjunction) không khác nhau và có thể nhập một chính là bởi thuần túy xuất phát từ cách tiếp cận hình thức của ngữ pháp truyền thống: cả giới từ và liên từ đều có khả năng

* ThS. – Trường ĐH Khoa học Huế

nối kết các thành phần câu với nhau. Sự khác biệt duy nhất được chỉ ra đó là nếu như liên từ nối kết các ngữ đoạn có tính chất đẳng lập và nối kết các câu với nhau thì giới từ kết nối các ngữ đoạn có tính chất chính phụ. Chính điều này cũng đã ảnh hưởng đến tư cách của giới từ trong nhiều trường hợp chỉ vì nó nối các “câu” với nhau.

Vận dụng quan điểm của ngữ pháp chức năng về cấu trúc tham tổ của vị từ chính là cơ sở để các nhà nghiên cứu đi theo hướng này nghiên cứu giới từ trên bình diện nghĩa. Theo đó, giới từ được xác nhận có một thuộc tính quan trọng khiến cho nó khác biệt với liên từ chính là khả năng đánh dấu các vai nghĩa. Chính vì vậy, theo chúng tôi, để nhận diện giới từ một cách chính xác cần dựa vào cả hai tiêu chí hình thức và nội dung, tức là xem xét chức năng của giới từ trên cả hai bình diện ngữ pháp và ngữ nghĩa. Đặc biệt, với tiêu chí đánh dấu vai nghĩa, đó có thể xem là một căn cứ chắc chắn để nhận diện giới từ. Điều này góp phần vào việc xác định ranh giới giữa giới từ và liên từ một cách rõ ràng hơn.

2. Ranh giới giữa giới từ và liên từ

Giới từ, mặc dù được phát biểu khác nhau đôi chút giữa các học giả nhưng tựu trung lại, đều biểu thị khái niệm: là những từ được dùng để đánh dấu quan hệ chính phụ.

Theo đó, giới từ có mặt trong những câu kiểu như:

- | | |
|----------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|
| (1) Anh ấy đứng ngoài vườn | (Trần Trọng Kim) |
| (2) Cây viết của tôi | (Bùi Đức Tịnh) |
| (3) Viết bằng bút chì | (Nguyễn Kim Thản) |
| (4) Nếu thật sự muốn đi tìm chân lý thì tuy thù đồ nhưng nhất định sẽ đồng quy | (Cao Xuân Hạo) |

Như vậy, có thể thấy giới từ được dùng để đánh dấu quan hệ chính phụ. Quan hệ chính phụ ở đây có thể là giữa một ngữ danh từ với định ngữ của nó (2), giữa một ngữ vị từ với bổ ngữ của nó (1, 3), giữa câu với trạng ngữ của nó (4).

Trong khi đó, liên từ thường được hình dung là từ dùng để liên kết các ngữ đoạn (ngữ, cấu trúc đề thuyết) đẳng lập với nhau.

Như vậy, liên từ xuất hiện trong những câu kiểu như:

- | | |
|-------------------------------------------------|------------------|
| (5) Ấn và mặc là sự nhu yếu của người ta | (Trần Trọng Kim) |
|-------------------------------------------------|------------------|

- (6) *Ai cũng biết rằng người khôn hơn loài vật* (Trần Trọng Kim)
 (7) *Anh Nam nó còn nể nữa là anh* (Cao Xuân Hạo)

Xét trên tiêu chí ngữ nghĩa, các tác giả như Nguyễn Thị Quy (2002) [17], Cao Xuân Hạo (2005) [6], ... cho rằng giới từ là tác tử đánh dấu cách, hoặc có thể gọi bằng các tên khác như chuyên tố, từ đánh dấu các vai nghĩa.

Chẳng hạn, xem xét các vai nghĩa được giới từ đánh dấu như sau:

- (8) *Tôi học tập tốt để ngày mai lập nghiệp* (vai nghĩa mục đích)
 (9) *Hắn đánh ông ta bằng một khúc củi to* (vai nghĩa công cụ)
 (10) *Con đã sửa xe cho mẹ* (vai nghĩa người hưởng lợi)
 (11) *Gửi đến anh một món quà giá trị* (vai nghĩa người nhận)
 (12) *Băng qua một con suối* (vai nghĩa lối đi)

So sánh với sự thể hiện của liên từ trong những câu kiểu như:

- (13) *Tôi và anh cùng yêu mến cô ấy*
 (14) *Anh ăn cháo hay ăn cơm?*
 (15) *Hắn nói thế nhưng hắn chẳng nghĩ thế chút nào*
 (16) [...] *Và trong một buổi sáng như thế, mẹ đã đưa tôi đến trường*

Có thể thấy, liên từ mặc dù vẫn biểu đạt quan hệ ngữ nghĩa giữa các ngữ đoạn, các câu lại với nhau (chẳng hạn *nhưng* là từ báo hiệu điều sắp nói ra là trái ngược với điều có thể gọi ra từ cái đã nói) nhưng nó không đảm nhiệm vai trò đánh dấu vai nghĩa. Và vì vậy, chức năng nổi bật của nó vẫn chỉ là nối kết các ngữ đoạn, các câu lại với nhau để diễn đạt mối quan hệ ý nghĩa giữa các thành phần này mà thôi.

Chính vì vậy, căn cứ trên những tiêu chí để nhận diện giới từ, căn cứ vào sự khác nhau giữa giới từ và liên từ trên cả hai bình diện ngữ pháp và ngữ nghĩa, chúng tôi tán đồng với định nghĩa về giới từ của hai tác giả Hoàng Dũng và Bùi Mạnh Hùng như sau: *Giới từ là những tác tử có tác dụng đánh dấu quan hệ chính phụ và đánh dấu các vai nghĩa trong cấu trúc tham tố của vị từ* [13]. Đây là một trong những định nghĩa phù hợp với quan điểm của nhiều nhà nghiên cứu và thuận lợi cho quá trình khảo sát của chúng tôi trong quá trình tìm hiểu chức năng của giới từ trên cả hai bình diện ngữ nghĩa và ngữ pháp.

3. Những đặc điểm của giới từ tiếng Việt

Giới từ trong tiếng Việt, qua khảo sát có thể nhận thấy bao gồm hai loại: giới từ chính danh và giới từ do danh từ, vị từ chuyển loại mà thành.

Trong tiếng Việt, những giới từ chính danh không nhiều. Giới từ chính danh bao gồm các từ: *tại, bởi, vì, từ, tuy, mặc dầu, nếu, dù* [6]. Các giới từ do danh từ chuyển thành có thể kể đến là *của, trên, dưới, trước, sau, trong, ngoài, đầu, cuối, bên, cạnh, giữa, ven...* Các giới từ do vị từ chuyển thành gồm các từ như *cho, ở, đến, tới, vào, ra, lên, xuống, sang, qua, giùm, hộ....*

Tuy vậy, hiện tượng các giới từ tiếng Việt phần lớn là do kết quả của quá trình chuyển loại mà thành không làm mất đi ý nghĩa từ vựng của các giới từ này. Những từ như *trên, dưới, trong, ngoài, trước, sau* vẫn là những từ chỉ vị trí theo một phương, một hướng nào đó xét trong quan hệ với điểm được chọn làm mốc. Và khi được dùng làm giới từ trong câu, bản thân chúng vẫn thể hiện ý nghĩa này. Học giả Phan Khôi cũng đã có những nhận xét tương tự khi ông khảo sát các từ *trên, dưới, trong, ngoài*. Theo ông, bốn chữ trên, “không cứ nó thuộc về từ loại nào”, đều có nghĩa “từ chỗ thấp chỉ chỗ cao là trên, từ chỗ cao chỉ chỗ thấp là dưới, từ chỗ quang chỉ chỗ kín là trong, từ chỗ kín chỉ chỗ quang là ngoài” (2004: 109). Những giới từ là vị từ chuyển thành cũng vậy. Không thể nói những giới từ trong các câu như *Đi đến trường, Nghĩ đến bạn...* hoàn toàn mất đi nghĩa từ vựng vốn có của nó. Chính vì vậy, khi hành chức như một tác tử cú pháp trong vai trò của một giới từ với đầy đủ ý nghĩa ngữ pháp, “các vị từ chuyển sang dùng như giới từ không hề kèm theo một quá trình chuyển hẳn từ loại trong đó các vị từ dứt khoát trở thành những giới từ” (Cao Xuân Hạo 2001: 395). Đây là nét đặc trưng của ngữ pháp tiếng Việt. Đặc trưng này dẫn đến một hệ quả quan trọng là khi xuất hiện quá trình ngữ pháp hoá các vị từ chuyển sang dùng như giới từ, cả hai chức năng vẫn tồn tại song song, thành thử người ta có thể phân vân không biết đây là hai từ đồng âm hay một từ dùng ở hai chức năng khác nhau (Cao Xuân Hạo 2001: 395). Cuối cùng, để biết được trong một câu nào đó là giới từ hay vị từ thì ngoài yếu tố ngữ cảnh, người ta còn phải tính đến vai trò của trọng âm. “Thực từ” thường được nhấn trọng âm (1) trong khi “ hư từ” thì không (0). Chẳng hạn, so sánh:

- (17) a. *Yêu nhau cởi áo **cho** nhau* (với mô hình 01)
 b. *Yêu nhau cởi áo **cho** nhau* (với mô hình 11)

Trong (17) a, *cho* là giới từ được dùng để đánh dấu vai nghĩa người hưởng lợi (cởi áo giùm / giúp nhau). Trong (17) b, *cho* là vị từ có nghĩa là “tặng”. Hiện tượng này không xuất hiện trong các ngôn ngữ như tiếng Anh, tiếng Nga... Ở các ngôn ngữ này, giới từ đúng là những giới từ chính danh với một số lượng xác định, có xếp nhau chút ít tùy vào tiêu chí xác định[†].

Từ đây đặt ra vấn đề giới từ có phải hoàn toàn là một hư từ hay không. Chính vì đại bộ phận giới từ tiếng Việt đều do danh từ hay vị từ chuyển từ loại để thực hiện chức năng của giới từ cho nên “nếu gọi giới từ cũng như các từ trợ nghĩa ngữ pháp là hư từ, thì hoàn toàn không ổn, bởi vì thuật ngữ này không phản ánh được bản chất ý nghĩa từ vựng và ý nghĩa ngữ pháp của các giới từ” (Nguyễn Văn Thành 2003: 476). Cùng chung một nhận xét tương tự, tuy không hoàn toàn bác bỏ quan điểm xem giới từ là một hư từ, tác giả Cao Xuân Hạo lưu ý rằng nếu là hư từ thì cũng phải thừa nhận nó chẳng phải là rỗng nghĩa bởi “nếu nó rỗng nghĩa thật thì không có lý do gì để tồn tại trong ngôn ngữ vốn là cái công cụ để truyền đạt nghĩa” (2001: 394). Theo ông, giới từ (và cả liên từ nữa) chứa đầy nghĩa ngữ pháp, những nghĩa quan trọng chi phối ngữ đoạn và câu, làm cho ngữ đoạn và câu nếu không có tác dụng của nó thì không sao diễn đạt được. Chính vì vậy, nó còn được gọi là tác tử, những từ có chức năng tác động vào các từ ngữ trong câu, làm cho những từ ngữ đó và cả câu biến nghĩa hay có thêm những nghĩa mà từ ngữ đó, câu nói đó vốn không có.

4. Chức năng của giới từ tiếng Việt xét trên bình diện ngữ nghĩa

Giới từ, trong tư cách của một từ chức năng, tỏ ra nổi bật hơn với vai trò của một tác tử cú pháp hơn là ý nghĩa tự thân của nó, nhất là khi nó vẫn được hầu hết các nhà nghiên cứu chấp nhận là một hư từ. Tuy nhiên, khi một ngữ đoạn nào đó có một giới từ nhất định đứng đầu, ngữ đoạn này sẽ cung cấp thông tin về thời gian, về nơi chốn, về mục đích, về phương tiện, về quan hệ... của các tham tố tham gia vào sự tình mà câu biểu thị. Đặc điểm về ngữ nghĩa này góp phần phân biệt giới từ với liên từ, vốn chỉ thuần túy liên kết các thành phần trong câu (hoặc các câu lại với nhau). Ngày nay, khi lý thuyết về diễn trị của vị từ, về vai nghĩa ngày càng được khẳng định trong địa hạt nghiên cứu nghĩa của câu, giới từ được xác nhận là *phương tiện đánh dấu các vai nghĩa trong nội dung sự tình mà câu biểu hiện*. Và tất cả những nội dung thông tin về thời gian, nơi chốn, nguyên nhân,

[†] Giới từ tiếng Anh là 115 theo Eugene J. Hall (2005:5) và là 124 theo Collins Cobuild (2004:12).

- Có vai nghĩa bắt buộc phải được đánh dấu bằng giới từ (vai nghĩa người hưởng lợi, đích, lối đi: *giặt áo giùm bạn, chạy vào nhà, nhảy qua mương...*);
- Có vai nghĩa không bắt buộc phải đánh dấu bằng giới từ (vai nghĩa người hành động, lực tác động, người thể nghiệm: *tôi học bài, gió thổi mạnh, anh ấy mệt...*);
- Có vai nghĩa có thể được đánh dấu bằng giới từ hoặc không (vai nghĩa sở hữu, phương tiện, chất liệu: *mẹ của tôi / mẹ tôi, ăn bằng đũa / ăn đũa; nhà bằng gạch / nhà gạch...*).

Trong đó, không bắt buộc đánh dấu bằng giới từ là một đặc điểm quan trọng của tiếng Việt về mặt ngữ nghĩa cũng như ngữ pháp. Tùy thuộc vào việc một câu nói nào đó là rõ ràng hay không, cần nhấn mạnh thông tin hay không mà giới từ được lựa chọn. Thông thường, nếu một câu nói nào đó là khá rõ ràng thì giới từ thường ít được sử dụng bởi lẽ nó không dẫn đến những sự mơ hồ, lại vẫn đảm bảo được lượng thông tin cần thiết.

Chính vì lẽ đó, chức năng của giới từ tiếng Việt xét trên bình diện ngữ nghĩa là không thể phủ nhận. Cùng với chức năng nối kết, chức năng đánh dấu vai nghĩa của giới từ tiếng Việt là căn cứ quan trọng để nghiên cứu ý nghĩa của câu, mục đích cuối cùng của các sự tạo lập cấu trúc ngữ pháp.

5. Chức năng của giới từ tiếng Việt xét trên bình diện ngữ pháp

Theo Cao Xuân Hạo (1998), giới từ không đơn thuần chỉ là cầu nối, là “chất xúc tác” để biểu thị các mối quan hệ về nghĩa trong câu mà quan trọng hơn, chính nó đã cùng với các danh ngữ được đánh dấu cách tạo thành ngữ đoạn. Quan điểm này dựa trên những bằng chứng xác thực thông qua trắc nghiệm Jakhontov (vẫn thường được dùng để xác định trung tâm và phụ ngữ của ngữ đoạn). Qua đó, để trả lời cho một câu hỏi dùng giới ngữ sẽ có một câu trả lời mở đầu cũng bằng một giới ngữ tương ứng. Ví dụ: *Nam học ở đâu? Nam học ở Trường Sư phạm, Cái này làm bằng gì? Cái này làm bằng nhôm, Em bé nhìn vào đâu? Em bé nhìn vào bức vẽ...* Từ những dẫn chứng như trên, tác giả kết luận: Trong một giới ngữ, cũng đúng như trong một ngữ đoạn vị từ có bổ ngữ hay một ngữ đoạn danh từ có định ngữ, vốn là hai cội nguồn của các giới ngữ, trung tâm bao giờ cũng là giới từ, và phụ ngữ là toàn bộ danh ngữ đi sau giới từ ấy (Cao Xuân Hạo 1998: 396).

Tính chất này được R.L. Trask phát biểu một cách rõ ràng rằng: giới từ chỉ có một thuộc tính duy nhất là nối với một danh ngữ - *bổ ngữ của nó* - để tạo nên một đơn vị cú pháp lớn hơn - giới ngữ (1999). Như vậy, giới từ không chỉ đóng vai trò cần yếu trong cấu trúc câu mà ngay trong cơ cấu tổ chức nội tại của nó cũng đã thể hiện những đặc tính cú pháp quan trọng.

Chức năng tạo lập ngữ đoạn của giới từ còn được biểu hiện rõ khi xem xét khả năng kết hợp của nó, sự gắn bó chặt chẽ của nó với thành tố phụ làm định ngữ / bổ ngữ và quan hệ của toàn bộ tổ hợp này với vị từ trung tâm. Trong một câu nói, thành tố phụ của giới từ kết hợp với chính nó chứ không phải với vị từ. So sánh:

- (23) a. *Chạy đến trường / Bước qua cửa / Đứng bên nhau*
 b. ? *Chạy trường / * Bước cửa / * Đứng nhau*

Chấp nhận điều này còn tạo điều kiện để xem xét chức năng của giới ngữ trong câu, khảo sát sự hành chức và vai trò của nó khi tạo lập thông báo. Chẳng hạn, xem xét mối quan hệ giữa các thành tố trong các cấu trúc sau:

- (24) a. *Khi tôi đến, anh ấy đi* (câu đơn có thành phần phụ làm trạng ngữ)
 và b. *Tôi đến, anh ấy đi* (câu ghép)

Có thể thấy rõ sự khác biệt giữa ngữ đoạn không có giới từ và ngữ đoạn có giới từ ở tư cách của toàn ngữ đoạn và qua đó, khẳng định thêm về chức năng của giới từ trong giới ngữ. Trong loại đơn vị này, giới từ không đánh dấu về vai nghĩa mà nó cùng với cả tổ hợp giữ một chức năng cú pháp nhất định trong câu.

Chính vì vậy, *xét trên phương diện ngữ pháp, ngữ giới từ chính là ngữ đoạn gồm giới từ và bổ ngữ của nó và toàn bộ ngữ đoạn giữ một vai trò cú pháp nhất định trong câu*. Những thành phần cú pháp mà ngữ giới từ thường đảm nhiệm là trạng ngữ, bổ ngữ, định ngữ, vị ngữ (Thuyết ngữ).

- (25) a. *Vì mệt, tôi không đến trường được* (trạng ngữ)
 b. *Chạy lại nhà bạn* (bổ ngữ)
 c. *Mẹ của tôi* (định ngữ)
 d. *Cái hộp này bằng vàng* (thuyết ngữ)

Về chức năng cú pháp, có thể chia các ngữ giới từ làm hai loại là các ngữ giới từ đơn chức năng và các ngữ giới từ đa chức năng. Các ngữ giới từ đơn chức năng chỉ giữ một chức năng duy nhất trong câu như:

- Trạng ngữ (ngữ giới từ biểu thị vai nghĩa điều kiện, trở ngại: *Nếu con học giỏi, mẹ sẽ thưởng; Tuy nghèo, họ vẫn cho con học hành đến nơi đến chốn*);
- Bổ ngữ (ngữ giới từ biểu thị vai nghĩa người nhận, người hưởng lợi: *Gửi đến anh lòng biết ơn vô hạn; Quét nhà cho mẹ*);

Các ngữ giới từ đa chức năng có thể giữ hơn một chức năng trong câu như:

- Trạng ngữ, bổ ngữ (các ngữ giới từ biểu thị vai nghĩa công cụ/ phương tiện: *Bằng một cái thìa, nó múc hết nước trong chậu ra; Ăn cơm bằng đũa*);
- Trạng ngữ, thuyết ngữ (các ngữ giới từ biểu thị vai nguyên nhân: *Vì trời mưa nên tôi ở nhà; Con hư tại mẹ*);
- Trạng ngữ, bổ ngữ, thuyết ngữ (các ngữ giới từ biểu thị vai mục đích: *Để đạt được mục đích, hắn bắt chấp tất cả; Học tập tốt vì tương lai; Cái này là để bán*);
- Định ngữ, thuyết ngữ (các ngữ giới từ biểu thị vai sở hữu: *Sách của thư viện; Cái này là của tôi*);
- Trạng ngữ, bổ ngữ, khung đề (các ngữ giới từ biểu thị vai nơi chốn: *Bên sông, một cái nhà chòi ra; Ngủ trên giường; Trên bàn có một lọ hoa*).

Từ đây có thể thấy rằng, xét về phương diện ngữ pháp, chính bởi giới từ luôn gắn bó chặt chẽ với loại đơn vị được gọi là giới ngữ và bản thân nó là trung tâm của giới ngữ nên khảo sát chức năng của giới từ về mặt ngữ pháp cũng tức là xem xét chức năng của giới ngữ trong câu. Cấu trúc nội tại của giới ngữ bao giờ cũng là giới từ + bổ ngữ song chức năng của cả ngữ đoạn này trong câu thì không phải chỉ dừng lại ở chức năng làm định ngữ hay bổ ngữ.

6. Kết luận

Sự tồn tại của giới từ và chức năng của nó trong tiếng Việt là một điều cần được ghi nhận. Những đặc trưng về ngữ pháp và ngữ nghĩa của giới từ tiếng Việt vừa có những điểm tương đồng vừa có những khác biệt với giới từ của các ngôn ngữ châu Âu. Nghiên cứu sâu hơn để phát hiện những điểm khác biệt đó sẽ đóng

góp nhiều cho việc tìm hiểu không chỉ về loại hình ngôn ngữ mà còn cả những đặc sắc về cách tri nhận và bản sắc văn hóa – ngôn ngữ của người Việt.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Asher, R. (ed) (1994), *The Encyclopedia of Language and Linguistics*, Volum 1, Pergamon Press Ltd.
- [2] Bùi Đức Tịnh (2003), *Ngữ pháp Việt Nam giản dị và thực dụng*, NXB Văn hoá Thông tin, Hà Nội.
- [3] Cao Xuân Hạo (1991), *Tiếng Việt – sơ thảo ngữ pháp chức năng*, Q1, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội.
- [4] Cao Xuân Hạo (2001), *Tiếng Việt – mấy vấn đề ngữ âm, ngữ pháp, ngữ nghĩa*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
- [5] Cao Xuân Hạo (chủ biên) (2005), *Ngữ pháp chức năng tiếng Việt*, Q2, NXB Giáo dục, Hà Nội.
- [6] Collins, C. (Nguyễn Thành Yên dịch và chú giải) (2004), *Giới từ tiếng Anh*, NXB Thành phố Hồ Chí Minh, Tp. Hồ Chí Minh.
- [7] Diệp Quang Ban (1991), *Ngữ pháp tiếng Việt*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
- [8] Du Ngọc Ngân (2001), “Về giới từ trong tiếng Việt”, *Ngôn ngữ* (số 1).
- [9] Hall, E. (Lê Huy Lâm & Trần Đình Nguyên Ngữ dịch và chú giải) (2005), *Hướng dẫn sử dụng giới từ tiếng Anh*, NXB Thành phố Hồ Chí Minh, Tp. Hồ Chí Minh.
- [10] Hoàng Dũng & Bùi Mạnh Hùng (2008), *Giáo trình dẫn luận Ngôn ngữ học*. NXB Giáo dục, Hà Nội.
- [11] Nguyễn Hoàng Phương (2006), *Chức năng của giới từ trong tiếng Việt*, Luận văn Thạc sĩ Khoa học, Trường Đại học Khoa học Huế.
- [12] Nguyễn Kim Thản (1963), *Nghiên cứu về ngữ pháp tiếng Việt*, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội.
- [13] Nguyễn Thị Quy (2002), *Ngữ pháp chức năng tiếng Việt (Vị từ hành động)*, NXB Khoa học Xã hội, Tp. Hồ Chí Minh.

- [14] Nguyễn Văn Thành (2003), *Tiếng Việt hiện đại*, NXB Khoa học Xã hội, Tp. Hồ Chí Minh.
- [15] Phan Khôi (1955), *Việt ngữ nghiên cứu*, NXB Đà Nẵng, Đà Nẵng (tái bản 2004).
- [16] Trask, R.L. (1999), *Key Concepts in Language and Linguistics*, Routledge.
- [17] Trần Trọng Kim, Bùi Kỳ, Phạm Duy Khiêm (1940), *Việt Nam văn phạm*, Sài Gòn.